

Bản án số: 12/2020/DS-PT

Ngày 07 - 02 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay nợ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2019/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bé M, sinh năm 1966 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng H2, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Bà Võ Tuyết H1, sinh năm 1965 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh C ..

Người kháng cáo: Bị đơn là bà Võ Tuyết H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn, bà Lê Thị Bé M trình bày: Vào ngày 07 tháng 9 năm 2017 (âm lịch) bà H1 có vay của bà số tiền 55.000.000 đồng, khi vay bà H1 có làm biên nhận. Ngày 26 tháng 9 năm 2017 (âm lịch) bà H1 có mượn bà số tiền 52.000.000 đồng, khi nhận tiền bà H1 có làm biên nhận. Khi vay và mượn tiền bà H1 hứa sau 10 ngày sẽ trả, tuy nhiên đến hạn trả bà có nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà H1 không trả. Ngày 13 tháng 12 năm 2018 bà có đến nhà bà H1 để yêu cầu trả tiền thì ông H2 chồng bà H1 dùng lời lẽ xúc phạm bà. Từ khi nhận tiền đến nay bà H1 không trả gốc và lãi cho bà. Bà yêu cầu bà H1 và ông H2 trả cho bà số tiền 107.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Võ Tuyết H1 trình bày: Vào tháng 3 năm 2016 do chị bà bệnh nên bà có vay của bà M số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận mỗi ngày 70.000 đồng. Bà trả lãi cho bà M nhiều lần với tổng số tiền 26.200.000 đồng. Do bà không có khả năng trả lãi nên bà M tính lãi cộng vào vốn đến ngày 07 tháng 9 năm 2017 là 55.000.000 đồng, bà M yêu cầu bà viết biên nhận vay 55.000.000 đồng. Sau đó do bà không có khả năng trả lãi nên bà M đồng ý không tính lãi và bớt cho bà 3.000.000 đồng nên bà viết biên nhận mượn bà M 52.000.000 đồng vào ngày 26 tháng 9 năm 2017. Khi viết lại biên nhận mượn 52.000.000 đồng, bà có yêu cầu bà M trả biên nhận nợ vay 55.000.000 đồng, nhưng bà M nói là biên nhận đã mất. Hiện nay, bà M yêu cầu bà trả số tiền của cả hai biên nhận nợ là 107.000.000 đồng bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả bà M cả lãi và vốn là 52.000.000 đồng. Số tiền bà nợ bà M không liên quan đến ông H2.

- Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H2 trình bày: Việc vay tiền giữa bà H1 (vợ ông) và bà M như thế nào ông không biết. Vợ chồng ông xài tiền riêng, lương của ai người đó tự chi xài. Bà M yêu cầu ông trả nợ ông không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị Bé M. Buộc bà Võ Tuyết H1 trả cho bà Lê Thị Bé M số tiền 107.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Bé M về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng H2 phải liên đới trả tiền cho bà Lê Thị Bé M.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/11/2019 bị đơn là bà Võ Tuyết H1 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bà chỉ đồng ý trả cho bà Lê Thị Bé M số tiền 52.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Võ Tuyết H1, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H1 thừa nhận có viết hai biên nhận nợ cho bà M, một biên nhận vay 55.000.000 đồng vào ngày 07/9/2019 và một biên nhận mượn tiền 52.000.000 đồng vào ngày 26/9/2017 đồng nhưng bà H1 chỉ chấp nhận trả cho bà M 52.000.000 đồng. Bà H1 cho rằng do bà vay của bà M 10.000.000 đồng vào tháng 3/2016, đến ngày 05/10/2017 bà đã trả được tổng số tiền lãi là 26.200.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn và lãi là 55.000.000 đồng nên bà đã viết biên nhận vay nợ cho bà M vào ngày 07/9/2017. Đến ngày 26/9/2017 bà M đồng ý bớt cho bà 3.000.000 đồng nên bà viết lại biên nhận mượn của bà M 52.000.000 đồng. Biên nhận này đã thay thế cho biên nhận 55.000.000 đồng ghi vào ngày 07/9/2017 nhưng bà M không thừa nhận. Bà H1 không có chứng cứ gì chứng minh biên nhận 52.000.000 đồng thay cho biên nhận 55.000.000 đồng. Tại hồ sơ bà M có cung cấp biên nhận ngày 06/9/2017 số tiền bà H1 nợ bà M là 57.000.000 đồng (Sau BL 02) nhưng sau đó bà H1 có trả

cho bà M được 5.000.000 đồng nên bà H1 ghi lại biên nhận 52.000.000 đồng. Biên nhận ngày 09/9/2016 bà H1 nợ bà M 44.000.000 đồng (BL 03) bà M cho rằng đây là số tiền nợ lãi của số tiền bà H1 vay của bà M 55.000.000 vào ngày 09/9/2016, tính lãi đến ngày 07/9/2017 là 44.000.000 đồng nhưng bà H1 không trả nên bà H1 làm biên nhận nợ 44.000.000 đồng cho bà M. Tại phiên tòa bà H1 cho rằng bà chỉ vay bà M 10.000.000 đồng lãi mỗi ngày 70.000 đồng vào tháng 3/2016 nhưng bà H1 cho rằng tính đến ngày 07/9/2017 bà đã trả cho bà M 26.200.000 đồng tiền lãi mà bà còn nợ bà M cả vốn và lãi là 55.000.000 đồng là không có cơ sở. Bà H1 cung cấp biên nhận ngày 29/3/2016 bà M thừa nhận đã nhận tiền của bà H1 từ ngày 29/3/2016 đến ngày 05/10/2017 là 26.200.000 đồng. Nhưng bà M cho rằng số tiền 26.200.000 đồng bà nhận của bà H1 là số tiền vốn và lãi do bà H1 nhờ bà vay tiền dùm 18.000.000 đồng theo biên nhận ngày 11/02 (BL 03). Tại phiên tòa bà H1 thừa nhận biên nhận này do bà viết nhưng bà không chứng minh được số tiền đã trả nên chấp nhận lời trình bày của bà M thừa nhận đã nhận 26.200.000 đồng của bà H1 là số tiền vốn và lãi của số tiền bà H1 nhờ bà M vay dùm 18.000.000 đồng.

[2] Như vậy tại hồ sơ và tại phiên tòa, bà H1 không có chứng cứ nào chứng minh số tiền nợ theo biên nhận nợ 55.000.000 đồng mà bà H1 đã ghi cho bà M xuất phát từ số tiền vốn bà H1 cho rằng đã vay của bà M 10.000.000 đồng vào tháng 3/2016 được bà M tính vốn nhập lãi, đồng thời bà H1 không có chứng cứ chứng minh biên nhận nợ 52.000.000 đồng là do bà H1 ghi cho bà M để thay thế biên nhận 500.000.000 đồng. Do đó bản án sơ thẩm buộc bà H1 phải trả cho bà M 107.000.000 đồng là có cơ sở.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 không có chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1 nên bà H1 phải chịu án phí theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Tuyết H1.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị Bé M. Buộc bà Võ Tuyết H1 trả cho bà Lê Thị Bé M số tiền 107.000.000 đồng (một trăm lẻ bảy triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Bé M về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng H2 phải liên đới trả tiền cho bà Lê Thị Bé M.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Bé M không phải chịu án phí, bà M đã nộp tiền tạm ứng án phí 2.675.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007495 ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được nhận lại.

Buộc bà Võ Tuyết H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.350.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Tuyết H1 phải chịu 300.000 đồng. Đã qua, bà H1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019597 ngày 07/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Phương Loan